

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 678/2018/HC-ST

Ngày: 29 -05-2018

V/v khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại về quản lý đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thạch Nghi Xuân

2/ Bà Trần Thị Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa:

Bà Giản Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:** Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22 và 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 195/HCST ngày 22 tháng 05 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về quản lý đất đai”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1628/QĐXXST-HC ngày 05/04/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2870/2018/QĐST-HC ngày 26 tháng 04 năm 2018. Tuyên án ngày 29 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Văn D; sinh ngày 21 tháng 01 năm 1957; (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: xã NĐ, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: phường PT, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Chí K; sinh năm: 1970; (có mặt)

Địa chỉ: phường HB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh ;

(Theo giấy ủy quyền có Số công chứng : 00012761, quyển số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 của Văn phòng công chứng T);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Ông Phương Văn T– Trưởng văn phòng - Văn phòng luật sư PG– Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

Ông Nguyễn Thanh N– Luật sư - Văn phòng luật sư PG – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

Người bị kiện: : Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Nguyễn Văn L; (có đơn yêu cầu xử vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở:, xã PX, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Huỳnh Quốc Đ– Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng; (có mặt)

2. Bà Hồ Thị T– Trưởng phòng nghiệp vụ 3 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng; (có mặt)

3. Ông Lê Văn H– Phó trưởng Phòng tài nguyên và môi trường; (có mặt)

4. Ông Huỳnh Văn H– Phó trưởng Phòng tư pháp; (có mặt)

(Theo Giấy yêu cầu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ký ngày 03/07/2017).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T; sinh ngày 03 tháng 05 năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: xã NĐ, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: phường PT, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Chí K; sinh năm: 1970; (có mặt)

Địa chỉ: phường HB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh ;

(Theo giấy ủy quyền có Số công chứng : 00012761, quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 của Văn phòng công chứng T);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn D và bản tự khai của ông Trần Chí K là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và bà Phan Thị Thu H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có nội dung như sau:

Ông Lê Văn D yêu cầu Hội Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB. Ra quyết định bồi thường 121m² đã thu hồi làm đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây với các lý do sau:

Theo bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Công ty Tư vấn Địa ốc SG lập ngày 14/06/2001 và được Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè phê duyệt ngày 04/08/2002 thể hiện: thửa cũ 220, thửa phân chiết 220-1, loại đất ký hiệu TV, xin sử dụng 241m², còn lại 425m² thuộc thửa phân chiết 220-2. thì tổng diện tích là 666m².

Theo bản đồ hiện trạng vị trí bố túc hồ sơ xin tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập và được Ủy ban nhân dân xã NĐ, huyện NB xác nhận ngày 11/05/2011 thể hiện: thửa cũ 220, thửa phân chiết 220-1, loại đất ký hiệu T, xin sử dụng 304.0m², còn lại 362.0m² thuộc thửa phân chiết 220-2. thì tổng diện tích là 666m².

Như vậy, Bản đồ lập năm 2001 và Bản đồ lập năm 2011 đều có tổng diện tích là 666m²

Bản đồ đo vẽ hiện trạng lập ngày 11/05/2011 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ để làm căn cứ ra quyết định thu hồi đất có sai lầm nghiêm trọng cụ thể như sau:

- Bảng chỉ dẫn diện tích (I) (tờ 81theo tài liệu đo năm 2004) thể hiện: Tờ bản đồ 81, số thửa 360-1, diện tích 277,4m², loại đất TV, hiện trạng ONT và thửa 21-2, diện tích 12,5m² loại đất RẠCH, hiện trạng ONT. Tổng cộng là 289,9m². Trong bảng chỉ dẫn diện tích (I) không có thửa 360-2 và 21-1.

- Bảng chỉ dẫn diện tích (II) (theo tài liệu đo02/CT-UB) thể hiện: Tờ bản đồ 04, số thửa 220-1, diện tích 277,4m², loại đất TV, hiện trạng ONT và thửa R, diện tích 12,5m² loại đất RẠCH, hiện trạng ONT. Tổng cộng là 289,9m². Trong bảng chỉ dẫn diện tích (II) không có thửa 22-2.

Cả hai bảng chỉ dẫn diện tích (I) và (II) đều có tổng là 289,9m². như vậy cho thấy phần rạch (R) theo tài liệu 02/CT-UB là ở phía sau cùng thửa đất, còn theo tài liệu đo năm 2004 thuộc thửa 21,2 phía trước giáp đường Lê Văn L.

Ngày 08/04/2002 đã chuyển nhượng 241m² thuộc thửa 220 tờ bản đồ số 4 xã NĐ, huyện NB. Phần đất 241m² đã chuyển nhượng có số thửa mới là 1023 thuộc thửa 220-1, thì diện tích còn lại của thửa 220 là 425m² thuộc thửa 220-2. Nhưng bản đồ đo vẽ hiện trạng ngày 12/11/2012 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đã thay đổi vị trí thửa đất diện tích 425m² thuộc thửa 220-2 thành thửa 220-1 dẫn đến diện tích còn lại 121m² bị mất và không bồi thường.

Ủy ban nhân dân huyện NB có văn bản số 2905/UBND-TNMT ngày 21/12/2017 trình bày ý kiến theo Thông báo số 195/TB-TLVA ngày 22/5/2017 về việc thụ lý vụ án khiếu kiện Quyết định hành chính của ông Lê Văn D.

Liên quan đến yêu cầu hủy Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 23/3/2017, Ủy ban nhân dân huyện NB có ý kiến như sau:

Ngày 10/8/1994, Ủy ban nhân dân huyện NB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0171 QSDĐ/94 cho ông Lê Văn D với diện tích 666m², thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 4, xã Nhơn Đức (theo bản đồ 02/CT-UB).

Ngày 08/4/2002, ông Lê Văn D chuyển nhượng một phần diện tích là 241m² phần còn lại trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0171 QSDĐ/94 là 425m² thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 4, xã NĐ.

Ngày 04/7/2011, ông Lê Văn D xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với diện tích 304m² (Giấy chứng nhận số CH 01150 cấp ngày 11/7/2011) phần còn lại trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0171 QSDĐ/94 là 121m², thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 4, xã NĐ.

Thực hiện dự án Xây dựng đường Bến Lức – Long Thành, Ủy ban nhân dân huyện NB đã bồi thường hỗ trợ phần nhà đất do ông Lê Văn D trực tiếp quản lý sử dụng với diện tích 304m², thuộc thửa 360, tờ bản đồ số 81 (theo bản đồ 02/CT-UB thửa 220, tờ bản đồ số 4); vị trí, ranh giới xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí số 35 do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ Nhà Bè lập ngày 12/11/2012 có sự đồng ý của ông Lê Văn D.

Phần còn lại trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0171 QSDĐ/94 cấp ngày 10/8/1994 với diện tích là 121m², thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 4, xã NĐ không bồi thường nên ông Lê Văn D khiếu nại yêu cầu bồi thường phần diện tích trên.

Từ việc khiếu nại trên, Ủy ban nhân dân huyện NB đã yêu cầu ông Lê Văn D liên hệ với Trung tâm đo đạc bản đồ để xác định lại ranh giới, vị trí sử dụng thực tế.

1. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do ông Lê Văn D cung cấp số 121319/ĐĐBĐ do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 09/3/2016 theo sự hướng dẫn ranh của ông Lê Văn D thì vị trí khu đất liên quan (bao gồm khu đất của bà Cao Thị N và hộ ông Lưu Thanh Toàn) có diện tích 681.3m² thuộc thửa **14=82.6m²**, thửa **19=6.3m²**, thửa **20=261m²**, thửa **21=22.9m²**, thửa **22=5.8m²**, thửa **360=302.7m²** (thửa 306 chiết từ thửa 20) tờ bản đồ **81** xã NĐ (theo tài liệu bản đồ năm 2005) và giáp ranh và trùng 6.3m² với khu đất của ông Nguyễn Hoàng P sử dụng thuộc thửa **19** tờ bản đồ số **81**;

2. Theo hồ sơ bồi thường của hộ ông Lê Văn D, bà Cao Thị N và hộ ông Lưu Thanh T, hộ ông Nguyễn Hoàng P do Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện NC cung cấp thì hiện trạng thực tế sử dụng đất của các hộ dân có hình thể, kích thước như sau:

- Hình thể, kích thước khu đất theo thực tế do hộ ông Lê Văn D trực tiếp quản lý sử dụng đất tại thời điểm bồi thường có tổng diện tích 289.9m², theo tài liệu bản đồ năm 2005 thửa 21=12.5m², 360=277.4m² (thửa 360 chiết từ thửa 21) (thửa 360=26.6m² còn lại ngoài ranh dự án); vị trí, ranh giới xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí số 35 do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ Nlập ngày 12/11/2012 có sự đồng ý của hộ ông Lê Văn D, sử dụng ổn định không tranh chấp.

- Hình thể, kích thước khu đất theo thực tế do hộ ông Lưu Thanh Toàn trực tiếp quản lý sử dụng đất tại thời điểm bồi thường có tổng diện tích $119.7m^2$, theo tài liệu bản đồ năm 2005 thuộc thửa 314= $58.9m^2$, 305= $60.8m^2$ (thửa 305, 314 chiết từ thửa 20); vị trí, ranh giới xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí số 93 do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ NC lập ngày 31/10/2012 có sự đồng ý của hộ ông Lưu Thanh T, sử dụng ổn định không tranh chấp.

- Hình thể, kích thước khu đất theo thực tế do bà Cao Thị N trực tiếp quản lý sử dụng đất tại thời điểm bồi thường có tổng diện tích $119.3m^2$, theo tài liệu bản đồ năm 2005 thuộc thửa 359= $119.3m^2$ (thửa 359 chiết từ thửa 20); vị trí, ranh giới xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí số 67 do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ N lập ngày 31/10/2012 có sự đồng ý của bà Cao Thị N, sử dụng ổn định không tranh chấp.

- Hình thể, kích thước khu đất theo thực tế do hộ ông Nguyễn Hoàng P trực tiếp quản lý sử dụng đất tại thời điểm bồi thường có tổng diện tích $180.6m^2$, theo tài liệu bản đồ năm 2005 thuộc thửa 19= $90.5m^2$, 322= $90.1m^2$ (thửa 322 chiết từ thửa 19); vị trí, ranh giới xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí số 90 do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ N lập ngày 31/10/2012 có sự đồng ý của hộ ông Nguyễn Hoàng P, sử dụng ổn định không tranh chấp.

Như vậy, hộ ông Lê Văn D sử dụng đất thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 81, bà Cao Thị N và hộ ông Lưu Thanh T sử dụng đất thuộc thửa 20 tờ bản đồ số 81 (theo tài liệu bản đồ năm 2005). Hộ ông Nguyễn Hoàng P sử dụng đất thuộc thửa 19 tờ bản đồ số 81 (theo tài liệu bản đồ năm 2005).

Xét thấy, theo hồ sơ bồi thường của từng hộ dân và theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 121319/ĐĐBĐ do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 09/3/2016 do ông Lê Văn D hướng dẫn ranh:

- Theo đó, thửa 20, 21 tờ bản đồ số 81 có nguồn gốc là của hộ ông Lê Văn D giáp ranh với thửa 19 tờ bản đồ số 81 là phần đất của hộ ông Nguyễn Hoàng P có ranh giới rõ ràng sử dụng ổn định và không tranh chấp; trong quá trình sử dụng hộ ông Lê Văn D đã chuyển nhượng một phần đất thuộc thửa 20 tờ bản đồ số 81 (do bà Cao Thị N và hộ ông Lưu Thanh T sử dụng đất). Do đó, tại thời điểm bồi thường hộ ông Lê Văn D sử dụng đất thuộc thửa 21 tờ bản đồ 81, hộ ông Lưu Thanh T và bà Cao Thị N sử dụng đất thuộc thửa 20 tờ bản đồ 81 và hộ ông Nguyễn Hoàng P sử dụng đất thuộc thửa 19 tờ bản đồ 81 (theo tài liệu bản đồ năm 2005), ranh giới sử dụng đất của các hộ ổn định, không tranh chấp. Đồng thời, diện tích theo những hồ sơ bồi thường của hộ ông Lê Văn D, bà Cao Thị N và hộ ông Lưu Thanh T và diện tích do ông Lê Văn D hướng dẫn ranh là bằng nhau.

- Mặt khác, diện tích $681.3m^2$ thuộc khu đất liên quan do ông Lê Văn D hướng dẫn ranh thì ông Lê Văn D thực tế sử dụng diện tích $565.7m^2$ thuộc thửa 220 tờ bản đồ số 4 theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB.

Theo đó, việc Ủy ban nhân dân huyện NB cấp Giấy chứng nhận số 0171 QSDĐ/94 ngày 10/8/1994 cho ông Lê Văn D sử dụng thửa 220=666.0m² tờ bản đồ 04 xã NĐ (theo tài liệu 02/CT-UB) là chưa đúng diện tích thực tế sử dụng của ông D, do vào thời điểm năm 1994 việc cấp Giấy chứng nhận theo chủ trương đại trà, không đo vẽ hiện trạng mà căn cứ trên nền bản đồ được thành lập theo Chỉ thị 02/CT-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Phần diện tích còn lại 121m² trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0171 QSDĐ/94 cấp ngày 10/8/1994, thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 4 là do sai sót trong quá trình cấp Giấy chứng nhận và thực tế cũng không có phần đất trên nên Ủy ban nhân dân huyện NB không bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn D là đúng theo quy định của pháp luật. Việc ông Lê Văn D khiếu nại yêu cầu bồi thường là không có cơ sở xem xét và giải quyết.

Do đó việc Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 về việc giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện NB đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố không công nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn D theo quy định.

Tại phiên tòa:

Trong phần thủ tục: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Phương Văn T là Trưởng Văn phòng Luật sư PG và Luật sư Nguyễn Thanh N là Luật sư Văn phòng Luật sư PG thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh đều có chung yêu cầu là không công nhận tư cách Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là các ông, bà: Huỳnh Quốc Đ, Hồ Thị T, Lê Văn H, Huỳnh Quốc H vì không có đầy đủ các điều kiện theo điểm c khoản 2 điều 61 Luật tổ tụng hành chính và ông Trần Chí K là Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có yêu cầu như Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nhưng tất cả không cung cấp chứng cứ chứng minh các ông, bà: Huỳnh Quốc Đ, Hồ Thị T, Lê Văn H, Huỳnh Quốc H có tiền sự, tiền án, chưa được xóa án tích, không có kiến thức pháp lý, không có năng lực hành vi dân sự.

Hội đồng xét xử trao đổi và thống nhất không chấp nhận yêu cầu của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Phương Văn T là Trưởng Văn phòng Luật sư PG và Luật sư Nguyễn Thanh N là Luật sư Văn phòng Luật sư PG thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Chí K là Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án về không công nhận tư cách Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là các ông, bà: Huỳnh Quốc Đ, Hồ Thị T, Lê Văn H, Huỳnh Quốc H vì không có đầy đủ các điều kiện theo điểm c khoản 2 điều 61 Luật tổ tụng hành chính. Vì:

- Không cung cấp chứng cứ chứng minh các ông, bà: Huỳnh Quốc Đ, Hồ Thị T, Lê Văn H, Huỳnh Quốc H có tiền sự, tiền án, chưa được xóa án tích, không có kiến thức pháp lý, không có năng lực hành vi dân sự.

- Các ông, bà: Huỳnh Quốc Đ, Hồ Thị T, Lê Văn H, Huỳnh Quốc H có giấy yêu cầu làm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện do chính ông Nguyễn Văn L là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB yêu cầu và được điều chỉnh theo Luật cán bộ, công chức, viên chức. Các ông, bà Huỳnh Quốc Đ – Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng; Hồ Thị T – Trưởng phòng nghiệp vụ 3 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng; Lê Văn H – Phó trưởng Phòng tài nguyên và môi trường; Huỳnh Văn Hoàng – Phó trưởng Phòng tư pháp hiện đang làm việc và giữ chức vụ tại các Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện NB.

Cũng trong phần thủ tục: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Phương Văn T là Trưởng Văn phòng Luật sư PG và Luật sư Nguyễn Thanh N là Luật sư Văn phòng Luật sư PG thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Chí K là Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án cùng có chung yêu cầu xin thay đổi Hội đồng xét xử với lý do không vô tư, khách quan khi tiến hành xét xử.

Những người có chung yêu cầu xin thay đổi Hội đồng xét xử với lý do không vô tư, khách quan khi tiến hành xét xử không chứng minh được Hội đồng xét xử thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 45 và 46 của Luật tổ tụng hành chính.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về yêu cầu xin thay đổi Hội đồng xét xử với lý do không vô tư, khách quan khi tiến hành xét xử của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Phương Văn T là Trưởng Văn phòng Luật sư PG và Luật sư Nguyễn Thanh N là Luật sư Văn phòng Luật sư PG thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Chí K là Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Những người yêu cầu không có chứng cứ chứng minh Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân không vô tư, khách quan khi tiến hành xét xử.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu thay đổi Hội đồng xét xử của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Phương Văn T là Trưởng Văn phòng Luật sư PG và Luật sư Nguyễn Thanh N là Luật sư Văn phòng Luật sư PG thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Chí K là Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi nghe ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử thảo luận tại Phòng nghị án. Quyết định: không chấp nhận yêu cầu thay đổi Hội đồng xét xử của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Phương Văn T là Trưởng Văn phòng Luật sư PG và Luật sư Nguyễn Thanh N là Luật sư Văn phòng Luật sư PG thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trần Chí K là Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong phần hỏi:

Ông Trần Chí K là Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Lê Văn D và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Phạm Thị Thu H trình bày xác định: Theo chứng minh nhân dân, ông Lê Văn D, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1957; Không có yêu cầu khởi kiện đối với các Quyết định về thu hồi đất, về bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và

tài sản khác gắn liền với đất số CH001150 cấp ngày 11/07/2011 của ông D và bà Hồng; Không nắm rõ phần diện tích đất 666m² được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0171 QSDĐ/94 ngày 10/08/1994 thuộc mấy thửa đất và giáp ranh với các thửa đất khác; Không biết đường Lê Văn Lương thi công hoàn thành năm nào; Không biết phần đất, nhà của ông D có bị ảnh hưởng khi làm đường Lê Văn L; Phần các ranh, thửa; bản chỉ dẫn diện tích theo tài liệu 02/CT-UB và tài liệu năm 2005 trong Bản đồ hiện hiện trạng vị trí do ông Lê Văn D yêu cầu Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ngày 09/03/2016 có chữ ký xác nhận của ông D sẽ do Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D trình bày.

Yêu cầu khởi kiện gồm:

- Hội Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB. Ra quyết định bồi thường 121m² đã thu hồi làm đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0171 ngày 10/08/1994 cấp cho ông Lê Văn D và Bà Phạm Thị T với diện tích 666m² thuộc thửa 220 tờ Bản đồ số 4 xã NB, huyện NB, trừ phần diện tích 241m² đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị Sương và phần diện tích 304m² thuộc thửa 360 tờ Bản đồ số 81 xã NB, huyện NB (thửa cũ là thửa 220 tờ Bản đồ số 4 xã NB, huyện NB) { 121m² = 666m² - [241m² + 304m²]}.

Luật sư Phương Văn T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Do không có chuyên môn về bản đồ nên không trình bày được các số liệu trong các bảng chỉ dẫn của Bản đồ do Đoàn đo đạc bản đồ thành phố thực hiện ngày 09/03/2016 theo yêu cầu của ông Lê Văn D.

Yêu cầu Hội Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB. Ra quyết định bồi thường 121m² đã thu hồi làm đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây với các lý do sau:

Theo bản đồ hiện trạng vị trí bỏ tấc hồ sơ xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Công ty Tư vấn Địa ốc SG lập ngày 14/06/2001 và được Ủy ban nhân dân huyện NB phê duyệt ngày 04/08/2002 thể hiện: thửa cũ 220, thửa phân chiết 220-1, loại đất ký hiệu TV, xin sử dụng 241m², còn lại 425m² thuộc thửa phân chiết 220-2. thì tổng diện tích là 666m².

Theo bản đồ hiện trạng vị trí bỏ tấc hồ sơ xin tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ lập và được Ủy ban nhân dân xã NB, huyện NB xác nhận ngày 11/05/2011 thể hiện: thửa cũ 220, thửa phân chiết 220-1, loại đất ký hiệu T, xin sử dụng 304.0m², còn lại 362.0m² thuộc thửa phân chiết 220-2. thì tổng diện tích là 666m².

Như vậy, Bản đồ lập năm 2001 và Bản đồ lập năm 2011 đều có tổng diện tích là 666m²

Bản đồ đo vẽ hiện trạng lập ngày 11/05/2011 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ để làm căn cứ ra quyết định thu hồi đất có sai lầm nghiêm trọng cụ thể như sau:

- Bảng chỉ dẫn diện tích (I) (tờ 81 theo tài liệu đo năm 2004) thể hiện: Tờ bản đồ 81, số thửa 360-1, diện tích 277,4m², loại đất TV, hiện trạng ONT và thửa 21-2, diện tích 12,5m² loại đất RẠCH, hiện trạng ONT. Tổng cộng là 289,9m². Trong bảng chỉ dẫn diện tích (I) không có thửa 360-2 và 21-1.

- Bảng chỉ dẫn diện tích (II) (theo tài liệu đo 02/CT-UB) thể hiện: Tờ bản đồ 04, số thửa 220-1, diện tích 277,4m², loại đất TV, hiện trạng ONT và thửa R, diện tích 12,5m² loại đất RẠCH, hiện trạng ONT. Tổng cộng là 289,9m². Trong bảng chỉ dẫn diện tích (II) không có thửa 22-2.

Cả hai bảng chỉ dẫn diện tích (I) và (II) đều có tổng là 289,9m². như vậy cho thấy phần rạch (R) theo tài liệu 02/CT-UB là ở phía sau cùng thửa đất, còn theo tài liệu đo năm 2004 thửa 21,2 phía trước giáp đường Lê Văn L.

Ngày 08/04/2002 đã chuyển nhượng 241m² thuộc thửa 220 tờ bản đồ số 4 xã NĐ, huyện NB. Phần đất 241m² đã chuyển nhượng có số thửa mới là 1023 thuộc thửa 220-1, thì diện tích còn lại của thửa 220 là 425m² thuộc thửa 220-2. Nhưng bản đồ đo vẽ hiện trạng ngày 12/11/2012 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đã thay đổi vị trí thửa đất diện tích 425m² thuộc thửa 220-2 thành thửa 220-1 dẫn đến diện tích còn lại 121m² bị mất và không bồi thường.

Người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện xác định Bản đồ do Đoàn đo đạc bản đồ thành phố thực hiện ngày 09/03/2016 theo yêu cầu của ông Lê Văn D và Bản đồ đo vẽ hiện trạng lập ngày 11/05/2011 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc bản đồ Nhà Bè để làm căn cứ ra quyết định thu hồi đất có các số liệu giống nhau.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0171 ngày 10/08/1994 cấp cho ông Lê Văn D và Bà Phạm Thị T với diện tích 666m² thuộc thửa 220 tờ Bản đồ số 4 xã NĐ, huyện NB không thực hiện việc đo vẽ trực tiếp. Khi thực hiện theo Chỉ thị 02/CT-UB thì mới tiến hành đo trực tiếp và theo tài liệu 02/CT-UB thì thửa 220 tờ Bản đồ số 4 xã NĐ, huyện NB có diện tích thực tế là 565,7m². Người khởi kiện ông D và bà Hồng đã chuyển nhượng cho bà Sương 241m².

Giữ nguyên ý kiến như văn bản 2905/UBND-TNMT ngày 21/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện NB, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nên không có lời trình bày và tranh tụng tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Vụ kiện được thụ lý ngày 22/05/2017 đến ngày 08/04/2018 mới có quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Nay đã khắc phục.

Về nội dung:

Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lê Văn D về Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 897/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB về bồi thường phần diện tích 121m² thuộc thửa 220 tờ Bản đồ số 4 xã NĐ, huyện NB đã thu hồi trong dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 30/03/2017, ông Lê Văn D nhận Quyết định số: 897/QĐ-UBND ngày 23/07/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB về giải quyết khiếu phần diện tích 121m² thuộc thửa 220 tờ Bản đồ số 4 xã NĐ, huyện NB đã thu hồi trong dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành không được bồi thường.

Ngày 20/04/2017, ông Lê Văn D ký đơn khởi kiện.

Ngày 08/05/2017, ông Lê Văn D nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và nộp biên lai thu tạm ứng Án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0034149 ngày 08/05/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Chứng minh nhân dân số: 021860890, cấp ngày 20/06/2012 tại công an thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lê Văn D sinh ngày 21/01/1957.

Do vậy ông Lê Văn D có đầy đủ quyền khởi kiện đối với Quyết định số: 897/QĐ-UBND ngày 23/07/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB về giải quyết khiếu phần diện tích 121m² thuộc thửa 220 tờ Bản đồ số 4 xã NĐ, huyện NB đã thu hồi trong dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành không được bồi thường; còn trong thời hiệu khởi kiện; Thuộc trường hợp khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Thuộc thẩm thụ lý giải quyết của tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại các Điều 30, 32, 53, 54 của Luật tố tụng hành chính.

2] về xét xử vắng mặt người bị kiện:

Ông Nguyễn Văn L là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

3] Về người đại diện của người khởi kiện:

Ông Trần Chí K; sinh năm: 1970; Địa chỉ: 41/14 đường số 35, phường HB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; được ông Lê Văn D và Bà Phạm Thị T ủy quyền Theo giấy ủy quyền có Số công chứng : 00012761, quyển số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2014 của Văn phòng công chứng T nên chấp nhận.

4] Về yêu cầu của người khởi kiện:

Ông Lê Văn D là người khởi kiện yêu cầu Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 897/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB về bồi thường phần diện tích 121m² thuộc thửa 220 tờ Bản đồ số 4 xã NĐ, huyện NB đã thu hồi trong dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành.

4.1 Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

Ông Lê Văn D khiếu nại không được bồi thường phần diện tích còn lại 121m² thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 4, xã NĐ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0171 QSDĐ/94 cấp ngày 10/8/1994 đã bị thu hồi trong dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành là trường hợp khiếu nại về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Ngày 23/03/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB ký ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 897/QĐ-UBND không công nhận đơn của ông Lê Văn D khiếu nại phần diện tích 121m² thuộc thửa 220 tờ Bản đồ số 4 xã NĐ, huyện NB đã thu hồi trong dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành không được bồi thường là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định.

4.2 Về nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 897/QĐ-UBND Ngày 23/03/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB đã căn cứ:

1. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do ông Lê Văn D cung cấp số 121319/ĐĐBĐ do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 09/3/2016 theo sự hướng dẫn ranh của ông Lê Văn D thì vị trí khu đất liên quan (bao gồm khu đất của bà Cao Thị N và hộ ông Lưu Thanh T) có diện tích 681.3m² thuộc thửa **14=82.6m²**, thửa **19=6.3m²**, thửa **20=261m²**, thửa **21=22.9m²**, thửa **22=5.8m²**, thửa **360=302.7m²** (thửa 306 chiết từ thửa 20) tờ bản đồ **81** xã NĐ (theo tài liệu bản đồ năm 2005) và giáp ranh và trùng 6.3m² với khu đất của ông Nguyễn Hoàng P sử dụng thuộc thửa **19** tờ bản đồ số **81**;

2. Theo hồ sơ bồi thường của từng hộ dân và theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 121319/ĐĐBĐ do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 09/3/2016 do ông Lê Văn D hướng dẫn ranh:

- Theo đó, thửa 20, 21 tờ bản đồ số 81 có nguồn gốc là của hộ ông Lê Văn D giáp ranh với thửa 19 tờ bản đồ số 81 là phần đất của hộ ông Nguyễn Hoàng P có ranh giới rõ ràng sử dụng ổn định và không tranh chấp; trong quá trình sử dụng hộ ông Lê Văn D đã chuyển nhượng một phần đất thuộc thửa 20 tờ bản đồ số 81 (do bà Cao Thị N và hộ ông Lưu Thanh T sử dụng đất). Do đó, tại thời điểm bồi thường hộ ông Lê Văn D sử dụng đất thuộc thửa 21 tờ bản đồ 81, hộ ông Lưu Thanh T và bà Cao Thị N sử dụng đất thuộc thửa 20 tờ bản đồ 81 và hộ ông Nguyễn Hoàng P sử dụng đất thuộc thửa 19 tờ bản đồ 81 (theo tài liệu bản đồ năm 2005), ranh giới sử dụng đất của các hộ ổn định, không tranh chấp. Đồng thời, diện tích theo những hồ sơ bồi thường của hộ ông Lê Văn D, bà Cao Thị N và hộ ông Lưu Thanh T và diện tích do ông Lê Văn D hướng dẫn ranh là bằng nhau.

- Mặt khác, diện tích 681.3m² thuộc khu đất liên quan do ông Lê Văn D hướng dẫn ranh thì ông Lê Văn D thực tế sử dụng diện tích 565.7m² thuộc thửa 220 tờ bản đồ số 4 theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB.

Theo đó, việc Ủy ban nhân dân huyện NB cấp Giấy chứng nhận số 0171/QSDĐ/94 ngày 10/8/1994 cho ông Lê Văn D sử dụng thửa 220=666.0m² tờ bản đồ 04 xã NĐ (theo

tài liệu 02/CT-UB) là chưa đúng diện tích thực tế sử dụng của ông D, do vào thời điểm năm 1994 việc cấp Giấy chứng nhận theo chủ trương đại trà, không đo vẽ hiện trạng mà căn cứ trên nền bản đồ được thành lập theo Chỉ thị 02/CT-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Phần diện tích còn lại 121m² trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0171/QSDĐ/94 cấp ngày 10/8/1994, thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 4 là do sai sót trong quá trình cấp Giấy chứng nhận và thực tế cũng không có phần đất trên nên Ủy ban nhân dân huyện NB không bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn D.

Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB còn căn cứ vào các hồ sơ bồi thường đối với các hộ có đất giáp với đất của ông D để xác định hộ ông Lê Văn D sử dụng đất thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 81, bà Cao Thị N và hộ ông Lưu Thanh T sử dụng đất thuộc thửa 20 tờ bản đồ số 81 (theo tài liệu bản đồ năm 2005). Hộ ông Nguyễn Hoàng P sử dụng đất thuộc thửa 19 tờ bản đồ số 81 (theo tài liệu bản đồ năm 2005). Không còn phần đất có diện tích 121m² như khiếu nại của ông D.

Do đó việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB ban hành Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn D là phù hợp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đúng theo quy định của pháp luật.

Trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và Trình bày của người của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí hành chính sơ thẩm:

Theo Chứng minh nhân dân số: 021860890, cấp ngày 20/06/2012 tại công an thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lê Văn D sinh ngày 21/01/1957. Do vậy miễn toàn bộ tiền án phí hành chính sơ thẩm cho ông Lê Văn D và hoàn trả cho ông Lê Văn D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng Án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0034149 ngày 08/05/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 30, 32, 45, 46, 53, 54; điểm c khoản 2 điều 61; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D về hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 897/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB.

2/ Án phí hành chính sơ thẩm:

Theo Chứng minh nhân dân số: 021860890, cấp ngày 20/06/2012 tại công an thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lê Văn D sinh ngày 21/01/1957. Do vậy miễn toàn bộ tiền án phí hành chính sơ thẩm cho ông Lê Văn D và hoàn trả cho ông Lê Văn D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng Án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0034149 ngày 08/05/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thơ